
NGHIÊN CỨU

Cơ chế bảo đảm sự vô tư của những người tiến hành tố tụng hoặc người tham gia tố tụng trong Luật tố tụng hình sự Việt Nam hiện hành

Trần Thu Hạnh *

Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 26 tháng 10 năm 2013

Chỉnh sửa ngày 25 tháng 11 năm 2013; Chấp nhận đăng ngày 15 tháng 12 năm 2013

Tóm tắt: Bài viết phân tích những quy định của Luật tố tụng hình sự (LTTHS) Việt Nam hiện hành về cơ chế bảo đảm sự vô tư của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng. Thông qua đó thấy rõ những quy định về nhiệm vụ của LTTHS, nguyên tắc cơ bản cũng như những quy định khác của Luật tố tụng hình sự đều nhằm mục đích bảo đảm sự vô tư của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng để từ đó bảo đảm cho việc giải quyết vụ án hình sự khách quan.

Từ khóa: Vô tư, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng, người làm chứng, người phiên dịch, người giám định, tố tụng hình sự, từ chối, thay đổi.

Sự vô tư của người tiến hành tố tụng (NTHTT) và người tham gia tố tụng (NTGTT) là một trong những điều kiện quan trọng có tính chất quyết định để vụ án được giải quyết khách quan, không làm oan người vô tội và không để lọt tội phạm. Thực tế cho thấy những giá trị mà nền tư pháp mang lại cho xã hội phụ thuộc chủ yếu vào sự vô tư của NTHTT, do chỉ có thái độ vô tư của những người cầm cân nảy mực mới có nhận thức khách quan về những tình tiết của vụ án, bản án và các quyết định họ đưa ra mới khách quan, đúng người, đúng tội; mới làm cho người có tội và xã hội tâm phục, khẩu phục. Sự vô tư của những NTHTT vì thế

có ý nghĩa vô cùng quan trọng không những trong quá trình giải quyết vụ án, mà còn trong việc thực thi công lý, bảo đảm quyền con người, xây dựng nhà nước pháp quyền. Vì vậy, bảo đảm sự vô tư của NTHTT, NTGTT được coi là một trong những nguyên tắc cơ bản của Tố tụng hình sự của tuyệt đại các quốc gia và của các thiết chế tư pháp quốc tế.

Luật tố tụng hình sự nước ta đã hình thành cơ chế bảo đảm sự vô tư của người tiến hành tố tụng (NTHTT), người tham gia tố tụng (NTGTT) trên ba phương diện: Hệ thống các qui phạm pháp luật; Các yếu tố thực thi pháp luật; Và cơ chế kiểm soát việc thực thi nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của NTHTT, NTGTT.

*ĐT: 84-4-37547512

E-mail: tranthuhanh72@yahoo.com

1. Sự vô tư của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng được thể hiện trong qui định về nhiệm vụ của Bộ luật tố tụng hình sự 2003

Bảo đảm sự vô tư của NTHTT, người phiên dịch, người giám định không những được coi là một trong những nguyên tắc cơ bản của LTTTHS Việt Nam mà còn là nhiệm vụ, mục đích của LTTTHS. Xác định sự thật khách quan và giải quyết vụ án khách quan, bảo đảm công bằng là đòi hỏi tất yếu của tố tụng hình sự trong nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, khi điều tra, truy tố, xét xử thường có sự không “cân bằng”, không bình đẳng giữa các cơ quan tiến hành tố tụng, NTHTT với bị can, bị cáo và những NTGTT khác do một bên là đại diện cho công quyền với đầy đủ sức mạnh của quyền lực, pháp luật, một bên là những người bị nghi là phạm tội không có những sức mạnh và điều kiện như vậy. Bộ luật tố tụng hình sự 2003 tuy chưa có điều luật qui định mục đích của LTTTHS nhưng Điều 1 BLTTHS này khi qui định nhiệm vụ của BLTTHS cũng đã gián tiếp đề cập đến mục đích này. Điều 1 BLTTHS 2003 qui định: *“Bộ luật tố tụng hình sự quy định trình tự, thủ tục... nhằm chủ động phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm, phát hiện chính xác, nhanh chóng và xử lý công minh, kịp thời mọi hành vi phạm tội, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội...”*.

Qui định này không những là nền tảng cho các qui định của BLTTHS mà còn là một trong những yêu cầu bắt buộc khi thực hiện nhiệm vụ, mục đích của hoạt động tố tụng hình sự. “Mục đích của TTHS Việt Nam cần được xác định trước hết là để bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của phía bị hại do hành vi tội phạm

gây ra, đồng thời bảo vệ những người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, bị đơn dân sự nhằm loại trừ việc truy cứu trách nhiệm hình sự trái pháp luật hoặc các hành vi và quyết định khác thiếu căn cứ, trái pháp luật” [1].

2. Sự vô tư của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng được thể hiện trong qui định về nguyên tắc cơ bản của Bộ luật tố tụng hình sự 2003

Chương 2, BLTTHS 2003 qui định các nguyên tắc cơ bản của LTTTHS, trong số những nguyên tắc này có nguyên tắc “Bảo đảm sự vô tư của những NTHTT hoặc NTGTT” qui định tại Điều 14 nhằm bảo đảm sự vô tư trong hoạt động tố tụng hình sự mà quan trọng nhất là bảo đảm sự vô tư của NTHTT, người phiên dịch, người giám định. Những người này thay mặt Nhà nước có trách nhiệm thu thập chứng cứ, chứng minh tội phạm làm rõ bản chất vụ án. Chính vì vậy, sự vô tư của họ khi tiến hành tố tụng có ý nghĩa quan trọng góp phần vào việc giải quyết vụ án một cách khách quan. Với ý nghĩa đó, LTTTHS coi sự vô tư của NTHTT, người phiên dịch, người giám định là nguyên tắc cơ bản. Điều 14 BLTTHS qui định: *“Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát, Kiểm sát viên, Chánh án, Phó Chánh án Tòa án, Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký Tòa án không được tiến hành tố tụng hoặc người phiên dịch, người giám định không được tham gia tố tụng, nếu có lý do xác đáng để cho rằng họ có thể không vô tư trong khi thực hiện nhiệm vụ của mình”*. Sự vô tư của những người này được hiểu là trong quá trình giải

quyết họ phải có thái độ công tâm khi thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ và kết luận các vấn đề của vụ án, phải dựa vào các qui định của pháp luật làm căn cứ, hướng tới công lý, bình đẳng làm mục tiêu của toàn bộ hoạt động tố tụng, không vì tình riêng mà thiên vị đưa ra các quyết định không phù hợp với thực tế khách quan và trái pháp luật. Ông Bao Công “thiết diện, vô tư” khi “thăng đường” là mẫu hình lý tưởng để thẩm phán và những NTHTT khác noi theo, đồng thời cũng là thân tượng và ước muốn của nhân dân bao đời nay.

3. Qui định của LTTTHS về nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những NTHTT hoặc NTGTT

a) Căn cứ từ chối hoặc thay đổi NTHTT, NTGTT

Trên cơ sở nguyên tắc qui định tại Điều 14, BLTTHS 2003 qui định những lý do xác đáng để cho rằng NTHTT, người phiên dịch, người giám định có thể sẽ không vô tư. Đây là những căn cứ có khả năng dẫn đến sự không vô tư của NTHTT, người phiên dịch, người giám định và sự ngăn chặn nó là cần thiết trong quá trình giải quyết vụ án hình sự.

* Căn cứ từ chối, thay đổi NTHTT

BLTTHS qui định những căn cứ phải từ chối hoặc bị thay đổi NTHTT nhằm bảo đảm sự vô tư của họ trong quá trình giải quyết vụ án.

Thứ nhất: NTHTT đồng thời là người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; là người đại diện hợp pháp, người thân thích của những người đó hoặc của bị can, bị cáo [2]. Qui định này xuất phát từ việc người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án ở

những mức độ và phạm vi khác nhau đều có lợi ích liên quan nên NTHTT không thể đồng thời là những NTGTT do dễ dẫn đến việc họ không vô tư ở chức danh NTHTT của vụ án.

Trong căn cứ này cũng không thể là NTHTT, nếu họ là người đại diện hợp pháp, người thân thích của bị can, bị cáo, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Nếu đồng thời là NTHTT, là người trực tiếp xem xét giải quyết vụ án, quyết định những vấn đề liên quan đến lợi ích của người mình đại diện thì chắc chắn sẽ không thể vô tư khi giải quyết vụ án đó. Ngoài người đại diện hợp pháp không được đồng thời là NTHTT thì người thân thích của những người trên cũng không được tham gia với vai trò là NTHTT. Người thân thích theo quy định tại điểm b mục 4 phần I Nghị quyết 03/2004/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán ngày 2 tháng 10 năm 2004 qui định: “*Người thân thích của người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, bị can, bị cáo là người có quan hệ sau đây với một trong những người này: Là vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi; Là ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, anh ruột, chị ruột, em ruột; Là cụ nội, cụ ngoại của một trong những người trên đây; là bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột; là cháu ruột mà họ là bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột*” [3].

Với những người được quy định ở trên, họ có quan hệ tình cảm nhất định với bị can, bị cáo, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Sức mạnh về quan hệ huyết thống sẽ làm cho con người có những xử sự thiên vị, bảo vệ lẫn nhau khi có việc ảnh hưởng đến quyền, lợi ích của người thân thích với mình. Cho nên nếu NTHTT tiến hành các

hoạt động giải quyết vụ án hình sự đối với người thân của mình thì việc họ “vô tình” thiên vị giải quyết hướng có lợi cho người thân là việc không thể tránh được.

Thứ hai: NTHTT đã tham gia với tư cách là người bào chữa, người làm chứng, người giám định, người phiên dịch trong vụ án đó [4].

Người bào chữa, người làm chứng, người giám định và người phiên dịch là những NTGTT vì nghĩa vụ hay nhằm để bảo vệ công lý. Quyền và lợi ích của họ không bị ảnh hưởng bởi các quyết định giải quyết hình sự của những NTHTT nhưng luật TTHS vẫn quy định nếu một người đã tham gia tố tụng với tư cách những người trên thì nếu được phân công THTT trong cùng vụ án thì họ phải từ chối hoặc sẽ bị thay đổi. Quy định này nhằm tránh những định kiến chủ quan của NTHTT trong việc giải quyết vụ án hình sự.

Người bào chữa là người được người bị tạm giữ, bị can, bị cáo mời bảo vệ quyền lợi cho mình hoặc được các cơ quan tiến hành tố tụng chỉ định bào chữa cho bị can, bị cáo theo qui định của pháp luật. Người bào chữa tham gia tố tụng chủ yếu nhằm làm sáng tỏ những tình tiết gỡ tội hoặc làm giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và giúp đỡ bị can, bị cáo về mặt pháp lý. Như vậy, người bào chữa đã hình thành quan điểm của vụ án theo hướng có lợi cho những người mình bảo vệ. Nếu họ là NTHTT, những người có nghĩa vụ chứng minh trong vụ án hình sự, sẽ dễ nhầm lẫn nhiệm vụ của mình nếu họ giữ cả hai vai trò là NTHTT và người bào chữa. Đồng thời tại điểm 2 khoản 1 Điều 56 BLTTHS còn quy định không được làm người bào chữa khi họ là người thân thích của những người đã hoặc đang tiến hành tố tụng trong vụ án đó. Với quy định này, thì không những là NTHTT trong vụ án đó không được trở thành người bào chữa mà ngay cả người thân thích của NTHTT cũng không được trở

thành người bào chữa. Theo hướng dẫn của Nghị quyết số 03/2004/HĐTP thì trường hợp trong các giai đoạn tố tụng trước đó, bị can, bị cáo, người đại diện hợp pháp của họ đã có nhờ người bào chữa và nay vẫn tiếp tục nhờ người đó bào chữa thì cần phải xem xét người đó có quan hệ thân thích với Thẩm phán, Hội thẩm hay Thư ký Tòa án được phân công tiến hành tố tụng trong vụ án hay không. Nếu có quan hệ thân thích với người nào đó được phân công tiến hành tố tụng trong vụ án, thì cần phân công người khác không có quan hệ thân thích với người được nhờ bào chữa thay thế tiến hành tố tụng và cấp giấy chứng nhận người bào chữa cho người được nhờ bào chữa đó [5]. Việc quy định như vậy là hợp lý vì nếu người bào chữa đã tham gia bào chữa cho bị can từ giai đoạn điều tra, sang đến giai đoạn xét xử sơ thẩm hoặc phúc thẩm, NTHTT được phân công là người thân thích của người bào chữa thì NTHTT không được phân công THTT nữa chứ không thay người bào chữa tránh dẫn tới khó khăn cho việc bào chữa của bị can, bị cáo vì phải mời người khác bào chữa thì người bào chữa mới phải tiến hành lại từ đầu, mất thời gian, công sức và nhiều khi không có hiệu quả.

Người làm chứng, người giám định, người phiên dịch là những NTGTT theo yêu cầu của CQTHTT. Sự tham gia của họ nhằm cung cấp cho CQTHTT những thông tin, tài liệu cần thiết (nguồn chứng cứ) như người làm chứng cung cấp những gì mình biết về vụ án, người giám định đưa ra các kết luận giám định theo yêu cầu giám định của cơ quan có thẩm quyền hay người phiên dịch, người thứ ba, làm trung gian giao tiếp giữa NTHTT và NTGTT để hỗ trợ NTHTT trong quá trình chứng minh sự thật của vụ án. Chính vì vậy, nếu họ vừa là người cung cấp lại vừa là người đánh giá các thông tin, tài liệu do mình đưa ra thì rất khó khách quan. Do đó họ không thể đồng thời là NTHTT.

Thứ ba: Có căn cứ rõ ràng khác để cho rằng NTHTT có thể không vô tư trong khi làm nhiệm vụ [6].

Đây là căn cứ mang tính khái quát và dự liệu các tình huống xảy ra trong khi giải quyết vụ án hình sự, thực tế là không thể liệt kê trong luật đầy đủ tất cả các trường hợp có thể dẫn đến sự không vô tư của những NTHTT. Trong xã hội, sẽ có nhiều tình huống xảy ra dễ dẫn đến sự không vô tư của NTHTT nhưng để áp dụng căn cứ này đòi hỏi những NTHTT khi từ chối hay người có quyền thay đổi, có quyền đề nghị thay đổi phải đưa ra được những chứng cứ rõ ràng để chứng minh việc không thể vô tư hoặc không vô tư của những NTHTT. Với căn cứ này, theo hướng dẫn của tại điểm c mục 4 phần I Nghị quyết 03/2004/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán ngày 2 tháng 10 năm 2004: “...c) Có căn cứ rõ ràng khác để cho rằng họ có thể không vô tư trong khi làm nhiệm vụ là ngoài các trường hợp được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 42 của Bộ luật TTHS thì trong các trường hợp khác (như trong quan hệ tình cảm, quan hệ thông gia, quan hệ công tác, quan hệ kinh tế...) có căn cứ rõ ràng để có thể khẳng định là Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký Tòa án không thể vô tư trong khi làm nhiệm vụ. Ví dụ: Hội thẩm là anh em kết nghĩa của bị can, bị cáo; Thẩm phán là con rể của bị cáo; người bị hại là Thủ trưởng cơ quan, nơi vợ của Thẩm phán làm việc... mà có căn cứ rõ ràng chứng minh là trong cuộc sống giữa họ có mối quan hệ tình cảm thân thiết với nhau, có mối quan hệ về kinh tế....”

Cũng được coi là có căn cứ rõ ràng khác để cho rằng họ có thể không vô tư trong khi làm nhiệm vụ nếu trong cùng một phiên tòa xét xử vụ án hình sự, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Hội thẩm và Thư ký Tòa án là người thân thích với nhau.”

Như vậy, hướng dẫn của Hội đồng thẩm phán đã đưa ra một số trường hợp có thể dẫn đến sự không vô tư khi thực hiện nhiệm vụ của NTHTT tuy nhiên cũng không thể liệt kê hết

tất cả các trường hợp có thể xảy ra trong cuộc sống. Trên cơ sở hướng dẫn có thể thấy rằng những nhân tố dẫn đến sự không vô tư của NTHTT là nhân tố tình cảm, vật chất, tinh thần của người khác tác động đến NTHTT làm họ có những hành vi, quyết định có lợi hoặc bất lợi cho NTGTT.

Thứ tư: Một người không được giữ nhiều tư cách của NTHTT trong cùng một vụ án được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 44, điểm b khoản 1 Điều 45, điểm c khoản 1 Điều 46, điểm b khoản 1 Điều 47 BLTTHS. Nếu một người đã THTT với vai trò Điều tra viên thì không được tiến hành tố tụng với tư cách Kiểm sát viên hoặc Thẩm phán và ngược lại.

LTTHS quy định việc giải quyết vụ án hình sự trải qua các giai đoạn tố tụng khác nhau và do các chủ thể THTT khác nhau thực hiện. Mỗi giai đoạn tố tụng có sự phân công nhiệm vụ, quyền hạn rõ ràng cho NTHTT. Vậy một người đã THTT ở giai đoạn trước đó, họ đã có những đánh giá nhất định với vụ án, đến giai đoạn sau, họ giữ vai trò là NTHTT và tiếp tục đánh giá về vụ án thì chắc chắn không tránh khỏi có sự định kiến nhất định đối với những đánh giá của mình. Nếu Điều tra viên đã kết luận điều tra là bị can có tội, thì khi THTT với tư cách khác với niềm tin chủ quan của mình, họ chỉ chú trọng những chứng cứ buộc tội mà coi nhẹ chứng cứ gỡ tội, thậm chí có thể sử dụng nhiều biện pháp khác để buộc bị can phải nhận tội hay ngược lại nếu trước đó nếu có suy nghĩ, tình cảm tốt với NTGTT nào đó thì sẽ tiếp tục bị chi phối bởi tình cảm đó. Tất cả những trường hợp đó đều dẫn đến việc giải quyết vụ án hình sự thiếu vô tư, khách quan, dễ để lọt tội phạm và làm oan người vô tội đồng thời không thực hiện được mục đích của việc hoạt động của giai đoạn tố tụng sau là kiểm tra tính đúng đắn, có căn cứ của hoạt động giai đoạn tố tụng trước đó. Ngoài ra tại

điểm c khoản 1 Điều 46 BLTTHS còn quy định: Thẩm phán và Hội thẩm phải từ chối tham gia xét xử hoặc bị thay đổi nếu đã tham gia xét xử sơ thẩm hoặc phúc thẩm vụ án đó. Với quy định này tại điểm c mục 6 phần I Nghị quyết 03/2004/NQ-HĐTP đã quy định: “*Đã tham gia xét xử sơ thẩm hoặc phúc thẩm... trong vụ án đó*” (điểm c khoản 1 Điều 46 của Bộ luật TTHS) là đã tham gia giải quyết vụ án và đã ra bản án sơ thẩm hoặc bản án phúc thẩm hoặc quyết định đình chỉ vụ án. Không phải tất cả các trường hợp Thẩm phán và Hội thẩm sẽ phải từ chối hoặc bị thay đổi mà chỉ Hội thẩm, Thẩm phán đã ra bản án xét xử sơ thẩm, bản án xét xử phúc thẩm hay quyết định đình chỉ vụ án mới phải từ chối hoặc bị thay đổi. Đây là những Thẩm phán, Hội thẩm đã từng tham gia giải quyết vụ án đó về mặt nội dung, đã có những đánh giá của mình về vụ án thông qua các quyết định tố tụng, chính vì vậy khó có thể khách quan, vượt qua định kiến của mình để xét xử lại vụ án mà họ đã từng giải quyết.

Thứ năm: Thẩm phán và Hội thẩm cùng trong một Hội đồng xét xử và là người thân thích với nhau.

Căn cứ này xuất phát từ việc một người chỉ bị coi là có tội khi có bản án kết tội của Tòa án có hiệu lực pháp luật đồng thời tất cả những vấn đề thuộc về thẩm quyền của Hội đồng xét xử thì chỉ có Thẩm phán và Hội thẩm có quyền nghị án. Các thành viên của Hội đồng xét xử phải quyết định tất cả các vấn đề của vụ án bằng cách biểu quyết theo đa số. Chính vì vậy mối quan hệ thân thích sẽ ảnh hưởng đến việc “biểu quyết theo đa số”. Đây có thể là mối quan hệ giữa Thẩm phán với Thẩm phán, Thẩm phán với Hội thẩm, Hội thẩm với Hội thẩm. Khi có mối quan hệ thân thích với nhau trong cùng một Hội đồng xét xử có thể sẽ có những bàn bạc, ảnh hưởng lẫn nhau trong quá trình đánh giá các tình tiết vụ án cũng như đưa

ra các phán quyết của Tòa án, ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án hình sự. Chính vì vậy, LTTHS buộc những người có mối quan hệ thân thích trong cùng một Hội đồng xét xử phải từ chối hoặc bị thay đổi. Tuy nhiên theo điểm a mục 6 phần I Nghị quyết số 03/2004/NQ - HĐTP có quy định “...*khi có hai người thân thích với nhau, thì chỉ có một người phải từ chối hoặc bị thay đổi*”. Việc quy định này là phù hợp vì chỉ cần thay đổi một người đã đủ loại bỏ mối quan hệ thân thích đó.

* Căn cứ từ chối, thay đổi người giám định, người phiên dịch

Ngoài việc bảo đảm sự vô tư của NTHTT trong quá trình giải quyết vụ án hình sự thì sự vô tư của người giám định và người phiên dịch là rất cần thiết. Đây là những NTGTT vì nghĩa vụ pháp lý. Họ giúp cho NTHTT giải quyết vụ án được nhanh chóng, đúng đắn và khách quan. Vì vậy, họ phải đứng ở vị trí lập trường khách quan vô tư khi thực hiện nghĩa vụ của mình. Do đó họ cũng phải từ chối hoặc bị thay đổi khi có những căn cứ nhất định.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 60, khoản 3 Điều 61 Bộ luật tố tụng hình sự thì, người giám định và người phiên dịch phải từ chối tham gia tố tụng hoặc bị thay đổi, nếu:

- Người giám định hoặc người phiên dịch đồng thời là người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; là người đại diện hợp pháp, người thân thích của những người đó hoặc của bị can, bị cáo;

- Có căn cứ rõ ràng khác để cho rằng người giám định hoặc người phiên dịch có thể không vô tư trong khi làm nhiệm vụ;

- Người giám định hoặc người phiên dịch đã tiến hành tố tụng với tư cách là Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm

sát, Kiểm sát viên, Chánh án, Phó Chánh án Tòa án, Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký Tòa án hoặc đã tham gia với tư cách là người bào chữa, người làm chứng, hay đã tham gia với tư cách người giám định thì không tham gia tư cách người phiên dịch và ngược lại trong vụ án đó.

Trên đây là ba căn cứ mà người giám định hoặc người phiên dịch phải từ chối hoặc bị thay đổi nếu tham gia tố tụng hình sự. Những căn cứ này tương tự với các căn cứ từ chối hoặc bị thay đổi đối với NTHTT. Tuy nhiên, với căn cứ thứ ba đã quy định người giám định hoặc người phiên dịch phải từ chối hoặc bị thay đổi khi họ đã tiến hành với vai trò của tất cả những NTHTT chứ không chỉ với người trực tiếp tiến hành các hoạt động tố tụng như họ sẽ phải từ chối hoặc thay đổi khi đã tiến hành với tư cách là Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng cơ quan điều tra hay với tư cách là Viện trưởng Viện kiểm sát, Chánh án Tòa án.

b) Quyền đề nghị, yêu cầu thay đổi NTHTT, NTGTT

Theo quy định của LTTTHS, ngoài việc do chính những NTHTT và NTGTT từ chối khi thấy mình không thể vô tư khi thực hiện nhiệm vụ, thì những người có thẩm quyền còn có quyền thay đổi khi thấy có những căn cứ quy định trong LTTTHS. Tuy nhiên, những người có thẩm quyền thay đổi NTHTT và NTGTT không phải khi nào họ cũng biết được việc không vô tư của những người này, vì thế LTTTHS có quy định những người quyền đề nghị, yêu cầu thay đổi NTHTT và NTGTT.

Theo quy định tại Điều 43 Bộ luật tố tụng hình sự thì những người sau đây có quyền đề nghị thay đổi NTHTT: a) *Thứ nhất* là Kiểm sát viên: đây là NTHTT thay mặt viện kiểm sát thực hiện hai chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tư pháp. Do đó, với những chức

năng này, Kiểm sát viên là người có thể thấy rõ được những trường hợp có biểu hiện không khách quan, không vô tư của NTHTT để từ đó đề nghị thay đổi NTHTT; b) *Thứ hai* là bị can, bị cáo, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự và người đại diện hợp pháp của họ. Những người này như đã phân tích ở trên họ là người có lợi ích bị ảnh hưởng bởi các quyết định của NTHTT. Chính vì vậy, họ mong muốn sự công bằng, khách quan trong quá trình giải quyết vụ án hình sự. Họ luôn quan tâm đến sự công tâm, vô tư của NTHTT. Một khi tham gia tố tụng còn có những nghi ngờ về sự vô tư của NTHTT thì họ sẽ không còn tin tưởng vào các quyết định của NTHTT và từ đây không còn tin tưởng vào pháp luật; c) *Thứ ba* là người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự. Như đã nói ở trên, người bào chữa và người bảo vệ quyền lợi của đương sự là NTGTT để giúp những NTGTT có lợi ích bị ảnh hưởng bởi các quyết định của NTHTT về mặt pháp lý cũng như góp phần bảo đảm sự công bằng trong hoạt động tố tụng hình sự. Họ là những người có kiến thức pháp luật nhất định nên khi tham gia tố tụng họ có thể nhìn thấy được những căn cứ không vô tư của NTHTT, chính vì vậy, để bảo đảm quyền lợi cho người mình bảo vệ cũng như bảo đảm cho quá trình giải quyết khách quan vụ án, LTTTHS quy định người bào chữa và người bảo vệ quyền lợi cho người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự có quyền đề nghị thay đổi NTHTT khi có căn cứ được quy định trong LTTTHS.

Ngoài ba nhóm người trên có quyền đề nghị, yêu cầu thay đổi NTHTT, tại đoạn 2 khoản 3 Điều 306 BLTTTHS có quy định tại phiên tòa xét xử bị cáo là người chưa thành niên, đại diện của nhà trường, tổ chức tham gia

thì có quyền yêu cầu và đề nghị thay đổi NTHTT. Như vậy xuất hiện thêm một chủ thể có quyền đề nghị và yêu cầu thay đổi NTHTT. Tuy nhiên chủ thể này chỉ có thực hiện quyền đó khi phiên tòa xét xử đang diễn ra. Các giai đoạn trước đó, chủ thể này không có quyền đề nghị và yêu cầu thay đổi NTHTT. Và như vậy chủ thể này cũng chỉ có quyền đề nghị và yêu cầu thay đổi với Thẩm phán, Hội thẩm, Kiểm sát viên và Thư ký Tòa án tại phiên tòa.

c) Thẩm quyền và thủ tục thay đổi NTHTT, NTGTT

Khi có những căn cứ để thấy rằng việc giải quyết vụ án có thể không vô tư, những NTHTT, người phiên dịch, người giám định từ chối hoặc bị thay đổi. Ở các giai đoạn tố tụng hình sự khác nhau, những người có quyền thay đổi cũng như thủ tục thay đổi cũng khác nhau.

Trong giai đoạn điều tra, Điều tra viên nếu có căn cứ từ chối hoặc bị thay đổi thì việc thay đổi sẽ do Thủ trưởng Cơ quan điều tra quyết định. Nếu Điều tra viên là Thủ trưởng Cơ quan điều tra thì việc điều tra do Cơ quan điều tra cấp trên trực tiếp tiến hành [7]. Theo Thông tư liên tịch số 05 năm 2005 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ công an, Bộ quốc phòng về quan hệ phối hợp giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát trong việc thực hiện một số quy định của BLTTHS năm 2003 hướng dẫn cụ thể ngày 7 tháng 9 năm 2005 có quy định: Khi có căn cứ thay đổi NTHTT của Cơ quan điều tra, Kiểm sát viên có quyền đề nghị Thủ trưởng Cơ quan điều tra hoặc đề nghị Viện trưởng Viện kiểm sát cấp mình xem xét để yêu cầu Thủ trưởng Cơ quan điều tra thay đổi Điều tra viên. Trong thời hạn ba ngày, kể từ khi nhận được đề nghị của Kiểm sát viên hoặc yêu cầu của Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp, nếu xét thấy có căn cứ thì Thủ trưởng Cơ quan điều tra ra quyết định thay đổi Điều tra viên, nếu thấy không có căn cứ thì thông báo bằng văn bản

nêu rõ lý do để Viện kiểm sát biết. Người bị thay đổi hoặc từ chối tiến hành tố tụng là Thủ trưởng Cơ quan điều tra cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, cấp quận, huyện, thành phố thuộc tỉnh và cấp quân sự quân khu, khu vực thì Cơ quan điều tra đề nghị Viện kiểm sát cùng cấp ra quyết định chuyển vụ án đến Cơ quan điều tra cấp trên trực tiếp tiến hành điều tra và Viện kiểm sát báo cáo bằng văn bản việc chuyển vụ án đó với Viện trưởng Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp để chỉ đạo thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra vụ án. Người bị thay đổi hoặc từ chối tiến hành tố tụng là Thủ trưởng Cơ quan điều tra cấp trung ương thì lãnh đạo Bộ, ngành (Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự trung ương) quyết định để một Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra tiến hành tố tụng đối với vụ án. Quyết định thay đổi Điều tra viên, Phó Thủ trưởng, Thủ trưởng Cơ quan điều tra phải được gửi cho Viện kiểm sát cùng cấp và đưa vào hồ sơ vụ án.

Trong quá trình thực hiện chức năng của Viện kiểm sát, việc thay đổi Kiểm sát viên trước khi mở phiên tòa do Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp quyết định. Kiểm sát viên bị thay đổi là Viện trưởng Viện kiểm sát thì do Viện trưởng Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp quyết định. Trong trường hợp phải thay đổi Kiểm sát viên tại phiên tòa thì Hội đồng xét xử ra quyết định hoãn phiên tòa. Việc cử Kiểm sát viên khác do Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp hoặc Viện trưởng Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp quyết định [8]. Tuy nhiên trong trường hợp tại phiên tòa, Kiểm sát viên từ chối tiến hành tố tụng hoặc có yêu cầu thay đổi Kiểm sát viên, thì Hội đồng xét xử phải nghe Kiểm sát viên trình bày ý kiến của mình về các lý do từ chối tiến hành tố tụng hoặc yêu cầu thay đổi Kiểm sát viên. Sau đó Hội đồng xét

xử vào phòng nghị án thảo luận. Nếu xét thấy việc từ chối tiến hành tố tụng hoặc yêu cầu thay đổi Kiểm sát viên là có căn cứ theo quy định của LTTTHS trong trường hợp không có Kiểm sát viên dự khuyết, thì Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa và báo ngay cho Viện kiểm sát cùng cấp. Việc thảo luận và quyết định hoãn phiên tòa, thông báo cho Viện kiểm sát cùng cấp về thay đổi Kiểm sát viên phải được lập thành văn bản và công bố tại phiên tòa. Văn bản thông báo phải được gửi ngay cho Viện kiểm sát cùng cấp và đề nghị Viện kiểm sát cùng cấp quyết định việc cử Kiểm sát viên khác thay thế. Trong văn bản thông báo cần ghi rõ là trong thời hạn ba ngày, kể từ ngày nhận được văn bản thông báo của Hội đồng xét xử, đề nghị Viện kiểm sát cử Kiểm sát viên khác thay thế để Tòa án mở lại phiên tòa trong thời hạn luật định [9].

Trong giai đoạn xét xử, việc thay đổi Thẩm phán, Hội thẩm trước khi mở phiên tòa do Chánh án Tòa án quyết định. Nếu Thẩm phán bị thay đổi là Chánh án thì do Chánh án Tòa án cấp trên trực tiếp quyết định. Việc thay đổi Thẩm phán, Hội thẩm tại phiên tòa do Hội đồng xét xử quyết định trước khi bắt đầu xét hỏi bằng cách biểu quyết tại phòng nghị án. Khi xem xét thành viên nào thì thành viên đó được trình bày ý kiến của mình, Hội đồng quyết định theo đa số. Trong trường hợp phải thay đổi Thẩm phán, Hội thẩm tại phiên tòa, thì Hội đồng xét xử ra quyết định hoãn phiên tòa. Việc cử thành viên mới của Hội đồng xét xử do Chánh án Tòa án quyết định. Đối với việc thay đổi Thư ký Tòa án trước khi mở phiên tòa do Chánh án Tòa án quyết định. Việc thay đổi Thư ký Tòa án tại phiên tòa do Hội đồng xét xử quyết định. Trong trường hợp phải thay đổi Thư ký Tòa án tại phiên tòa, thì Hội đồng xét xử ra

quyết định hoãn phiên tòa. Việc cử Thư ký Tòa án khác do Chánh án Tòa án quyết định [10].

Đồng thời Chánh án, Phó Chánh án Tòa án tiến hành tố tụng với tư cách là Thẩm phán trong vai trò là chủ tọa phiên tòa hoặc thành viên Hội đồng xét xử có nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Thẩm phán được quy định tại Điều 39 của BLTTHS thì sẽ phải từ chối hoặc bị thay đổi theo những căn cứ từ chối và thay đổi Thẩm phán được quy định tại Điều 46 của BLTTHS [11].

Thủ tục từ chối và thay đổi người giám định, người phiên dịch trong tố tụng hình sự được quy định tại Điều 60, 61 BLTTHS. Khi có những căn cứ phải từ chối hoặc bị thay đổi tư cách tham gia tố tụng là người giám định hay người phiên dịch, thì cơ quan nào trung cầu giám định hay yêu cầu người phiên dịch sẽ là cơ quan đó có quyền quyết định.

d) Hệ quả của việc từ chối hoặc thay đổi NTHTT, người phiên dịch, người giám định và của việc không từ chối hoặc thay đổi NTHTT, người phiên dịch, người giám định

Theo các qui định của BLTTHS 2003, việc từ chối hoặc thay đổi NTHTT, người phiên dịch, người giám định trong giai đoạn điều tra, truy tố, chuẩn bị xét xử thì không dẫn đến việc các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự (CQHTTTHS) có thẩm quyền ra quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ điều tra; tạm đình chỉ, đình chỉ vụ án hoặc hoãn các hoạt động tố tụng trong các giai đoạn này của quá trình giải quyết vụ án. Sự từ chối hoặc thay đổi NTHTT, người phiên dịch, người giám định chỉ cần quyết định thay thế những người này của CQHTTTHS có thẩm quyền và quyết định thay đổi đó cũng không ảnh hưởng gì đến thời hạn giải quyết vụ án hình sự. Tại phiên tòa xét xử vụ án hình sự, trong thủ tục bắt đầu phiên tòa, BLTTHS 2003 quy định rõ việc Thẩm

phán buộc phải hỏi Kiểm sát viên và những NTGTT có yêu cầu thay đổi NTHTT và người giám định và người phiên dịch không. *Tại Điều 202 quy định. “Kiểm sát viên và những NTGTT phải được chủ tọa phiên tòa hỏi xem họ có đề nghị thay đổi Thẩm phán, Hội thẩm, Kiểm sát viên, Thư ký Tòa án, người giám định, người phiên dịch hay không. Nếu có người yêu cầu thì Hội đồng xét xử xem xét và quyết định”*. Trong trường hợp này, Hội đồng xét xử thấy đề nghị thay đổi NTHTT, người giám định, người phiên dịch của những người được quyền đề nghị là có căn cứ thì phải hoãn phiên tòa.

Trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, nếu có căn cứ để từ chối hoặc thay đổi NTHTT, người giám định và người phiên dịch, ở giai đoạn tố tụng nào thì những người có thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ của giai đoạn đó sẽ thực hiện việc thay đổi NTHTT, người giám định và người phiên dịch mà không ảnh hưởng đến tiến trình thực hiện nhiệm vụ của giai đoạn tố tụng đó trừ trường hợp NTHTT, người giám định và người phiên dịch bị thay đổi tại phiên tòa. Tuy nhiên nếu có căn cứ phải từ chối hoặc thay đổi NTHTT, người giám định và người phiên dịch, mà những người này không từ chối hoặc không bị thay đổi, thì đây được coi là một căn cứ để tùy ở các giai đoạn tố tụng khác nhau vụ án có thể bị trả hồ sơ điều tra bổ sung, điều tra lại hoặc xét xử lại.

Trong giai đoạn truy tố và hoạt động xét xử sơ thẩm, các cơ quan THTT có thẩm quyền nếu phát hiện ra “*có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng*” [12] thì trả hồ sơ điều tra bổ sung. Trong hướng dẫn của Thông tư liên tịch 01/2010/TTLT-VKSNDTC-BCA-TANDTC ngày 27/8/2010 một trong những trường hợp được coi là “*vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng*” đó là có căn cứ phải từ chối hoặc bị thay đổi NTHTT, người giám định, người phiên

dịch mà không thực hiện [13], hay tại điểm 4.4 khoản 4 mục I Nghị quyết số 04/2004/NQ-HĐTP ngày 5/11/2004 có quy định “*Vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng là trường hợp BLTTHS quy định bắt buộc phải tiến hành hoặc tiến hành theo thủ tục tố tụng đó, nhưng cơ quan tiến hành tố tụng, NTHTT bỏ qua hoặc thực hiện không đúng xâm phạm nghiêm trọng đến quyền lợi của bị can, bị cáo, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án hoặc làm cho việc giải quyết vụ án thiếu khách quan toàn diện*”.

Khi bản án hoặc quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm. Tuy BLTTHS không quy định cụ thể căn cứ kháng nghị phúc thẩm nhưng theo hướng dẫn của Viện kiểm sát nhân dân tối cao một trong bốn căn cứ để kháng nghị phúc thẩm đó là “*có những vi phạm về thủ tục tố tụng hình sự trong giai đoạn xét xử sơ thẩm*” [14]. Như vậy, nếu trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, Viện kiểm sát phát hiện những quy định về mặt thủ tục trong luật tố tụng hình sự mà Tòa án đã không thực hiện thì có quyền kháng nghị để xét xử phúc thẩm vụ án hình sự đó. Hướng dẫn của Viện kiểm sát nhân dân tối cao không đòi hỏi sự vi phạm thủ tục là vi phạm nghiêm trọng như trong căn cứ trả hồ sơ điều tra bổ sung nên đương nhiên việc vi phạm những căn cứ phải từ chối hoặc bị thay đổi NTHTT, người giám định, người phiên dịch cũng là căn cứ để kháng nghị phúc thẩm. Tuy nhiên Viện kiểm sát chỉ được quyền kháng nghị theo căn cứ này khi phát hiện ra những vi phạm trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, nếu phát hiện ra những vi phạm này trong giai đoạn điều tra, truy tố thì Viện kiểm sát sẽ kháng nghị khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật theo thủ tục giám đốc thẩm. Khi thấy căn cứ kháng nghị theo thủ

tục phúc thẩm của Viện kiểm sát là có cơ sở, Hội đồng xét xử phúc thẩm có thẩm quyền hủy bản án sơ thẩm theo điểm a khoản 2 Điều 250 “*Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại ở cấp phúc thẩm với thành phần Hội đồng xét xử mới trong các trường hợp sau đây: a)..... hoặc có vi phạm nghiêm trọng khác về thủ tục tố tụng.*”

Khi bản án xét xử của Tòa án có hiệu lực pháp luật, Viện kiểm sát, Tòa án phát hiện ra có những vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong việc xử lý vụ án thì Viện kiểm sát, Tòa án có quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm. Một trong những căn cứ kháng nghị theo thủ tục này, được Điều 273 BLTTHS quy định đó là “*có sự vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong khi điều tra, truy tố hoặc xét xử*”. Chính vì vậy, ngay cả khi đã có bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật và có thể đã được đem ra thi hành, nếu thấy có những căn cứ phải từ chối hoặc bị thay đổi NTHTT, người giám định, người phiên dịch, Viện kiểm sát, Tòa án vẫn có quyền kháng nghị bản án đó, đồng thời có quyền tạm đình chỉ thi hành bản án, quyết định đó [15]. Sau khi xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật, nếu thấy những căn cứ kháng nghị có cơ sở thì Hội đồng giám đốc thẩm có quyền hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật để điều tra lại hoặc xét xử lại (việc xét xử lại thì tùy từng trường hợp cụ thể có thể xét xử lại ở cấp sơ thẩm hoặc ở cấp phúc thẩm) [16].

Như vậy, việc không từ chối hoặc thay đổi NTHTT, người giám định, người phiên dịch khi có căn cứ quy định của pháp luật sẽ ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án hình sự. Khác với việc nếu phát hiện ra căn cứ phải từ chối hoặc bị thay đổi NTHTT, người giám định, người phiên dịch, các CQTHTT chỉ phải thay đổi mà không ảnh hưởng đến quá trình tiến hành tố tụng vụ án đó thì việc không phát

hiện ra căn cứ từ chối, thay đổi NTHTT, người giám định, người phiên dịch hay phát hiện ra căn cứ đó mà không thực hiện dẫn tới hoạt động của các giai đoạn tố tụng sau nếu phát hiện ra những căn cứ này thì quá trình giải quyết vụ án hình sự sẽ bị kéo dài và phức tạp hơn, ảnh hưởng đến quyền lợi của bị can, bị cáo, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự và người có quyền lợi của nghĩa vụ liên quan, làm mất lòng tin của người dân đối với các CQTHTT nói riêng và Nhà nước nói chung.

4. Một số qui định khác liên quan đến nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của NTHTT, người phiên dịch, người giám định

a) Điều kiện, tiêu chuẩn của NTHTT và NTGTT

NTHTT hình sự là những người được Nhà nước giao cho trách nhiệm thay mặt Nhà nước giải quyết vụ án hình sự. Hoạt động của họ ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích thậm chí cả tính mạng của con người, ảnh hưởng đến tính công minh của pháp luật, uy tín của Nhà nước. Chính vì vậy, để thực hiện trách nhiệm này, Nhà nước khi bổ nhiệm NTHTT đã đòi hỏi họ phải tuân thủ theo một tiêu chuẩn nhất định. Đối với những NTHTT trực tiếp thực hiện các hoạt động tố tụng ảnh hưởng đến quyền lợi của những NTGTT, pháp luật yêu cầu trước tiên họ phải là Công dân Việt Nam, trung thành với Tổ quốc và Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có phẩm chất đạo đức tốt, liêm khiết, trung thực, có tinh thần kiên quyết bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa, có trình độ cử nhân Luật (trừ tiêu chuẩn của Hội thẩm chỉ cần có kiến thức pháp lý), có kinh nghiệm thực tiễn, khả năng thực hiện nhiệm vụ (tùy vào từng chức danh, cấp bậc mà có những yêu cầu cụ thể về trình độ, nghiệp vụ, thời gian công tác...) và có sức khỏe bảo

đảm hoàn thành nhiệm vụ được giao [17]. Khi đáp ứng được tiêu chuẩn này, NTHTT thể hiện được họ xứng đáng là người vô tư, khách quan trong quá trình thực hiện trách nhiệm của mình. Đối với Thư ký Tòa án, hiện chưa có văn bản nào quy định về tiêu chuẩn tuyển chọn nhưng tại Mục 3 Phần I Nghị quyết số 03/2004/NQ- HĐTP có quy định “*Thư ký Tòa án*” quy định tại Điều 41 của Bộ luật TTHS là NTHTT hình sự bao gồm những người được xếp ngạch công chức “*Thư ký Tòa án*” và những người được xếp ngạch công chức “*Chuyên viên pháp lý*” “*Thẩm tra viên*” được Chánh án Tòa án phân công tiến hành tố tụng đối với vụ án hình sự và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 41 của Bộ luật TTHS. Như vậy, Thư ký Tòa án cũng phải thi tuyển, họ đạt tiêu chuẩn của công chức và phải tuân theo các quy định của Luật cán bộ, công chức năm 2008.

Đối với người giám định, người phiên dịch là những NTGTT có vai trò quan trọng trong việc giải quyết vụ án hình sự nên pháp luật cũng đặt ra những điều kiện nhất định để họ hoàn thành nhiệm vụ của mình khi được các CQTHTT yêu cầu tham gia tố tụng. Với người giám định phải thỏa mãn tiêu chuẩn là công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam; Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt; Có trình độ đại học trở lên và đã qua thực tế hoạt động chuyên môn ở lĩnh vực được đào tạo từ đủ 05 năm trở lên. Ngoài ra đối với giám định viên tư pháp trong lĩnh vực pháp y, pháp y tâm thần và kỹ thuật hình sự phải có chứng chỉ đã qua đào tạo hoặc bồi dưỡng nghiệp vụ giám định [18]. Ngoài ra, trong hoạt động giám định đòi hỏi người giám định phải thực hiện theo nguyên tắc thực hiện giám định tư pháp trong đó có nguyên tắc được đặt ra để thực hiện nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của người giám định “*trung thực, chính xác, khách quan, vô tư, kịp thời*”. Với người phiên dịch, trong BLTTHS hiện

hành cũng như các văn bản pháp luật khác không có quy định điều kiện, tiêu chuẩn như thế nào để một người có thể trở thành người phiên dịch mà luật chỉ xác định nghĩa vụ pháp lý của người phiên dịch. Thực tế, khi CQTHTT yêu cầu một người làm người phiên dịch thì người đó phải là người biết thông thạo tiếng Việt và ngôn ngữ, chữ viết cần phải dịch hoặc phải biết dấu hiệu, âm điệu của người câm hoặc người điếc cần phải dịch trong hoạt động tố tụng và phải có kiến thức và hiểu biết về pháp luật để có thể dịch đúng và đầy đủ theo yêu cầu của CQTHTT. Những điều kiện này chính là những quy định để bảo đảm sự vô tư, độc lập, khách quan của người giám định, người phiên dịch trong quá trình TTHS.

b) Những chế tài áp dụng đối với những NTHTT hoặc NTGTT khi họ không vô tư trong khi thực hiện trách nhiệm

Để nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của NTHTT hoặc NTGTT được thực hiện triệt để, có hiệu quả hơn, pháp luật còn quy định: những NTHTT và người giám định, người phiên dịch phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi và quyết định của mình. Nếu sự thiếu vô tư dẫn tới làm trái pháp luật của người THTT thì tùy theo mức độ khác nhau có thể bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự với tội danh như tội làm sai lệnh hồ sơ vụ án, tội nhận hối lộ... Ngoài ra vấn đề bồi thường thiệt hại cho người bị oan, sai trong TTHS do người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng gây ra được Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2010 qui định như một hệ quả của việc không vô tư của NTHTT. Theo quy định này, NTHTT trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đã làm oan, sai phải bồi thường thiệt hại và khôi phục danh dự, quyền lợi cho người bị oan.

Đối với người giám định và người phiên dịch, nếu không thực hiện đúng trách nhiệm

của mình, cung cấp kết luận giám định hay dịch trong quá trình tố tụng hình sự biết rõ là sai sự thật mà vẫn thực hiện thì phải chịu trách nhiệm hình sự theo Điều 307 Bộ luật hình sự.

Ngoài ra, trong tất cả các qui định của quá trình giải quyết vụ án, tinh thần của nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những NHTT hoặc NTGTT đều được quán triệt, thể hiện làm cho vụ án được tiến hành khách quan, góp phần đấu tranh với những tiêu cực, thiên vị, thiếu công bằng trong quá trình giải quyết vụ án hình sự.

Tài liệu tham khảo

- [1] Đào Trí Úc, Xác định Tòa án có vị trí trung tâm, xét xử là hoạt động trọng tâm, Tạp chí Kiểm sát số 21 tháng 11/2012 tr 23-24.
- [2] Xem khoản 1 Điều 42 BLTTHS 2003.
- [3] Nghị quyết số 03/2004/NQ-HDDTP, ngày 2/10/2004, của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định trong Phần thứ nhất “Những quy định chung” của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003.
- [4] Xem khoản 2 Điều 42 BLTTHS 2003.
- [5] Xem Mục 1 Phần II, Nghị quyết số 03/2004/NQ-HDDTP, ngày 2/10/2004, của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định trong Phần thứ nhất “Những quy định chung” của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003.
- [6] Xem khoản 3 Điều 42 BLTTHS 2003.
- [7] Xem Điều 44 BLTTHS 2003.
- [8] Xem Điều 45 BLTTHS 2003.
- [9] Xem Mục 5 Phần I Nghị quyết số 03/2004/NQ-HĐTP, ngày 2/10/2004, của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định trong Phần thứ nhất “Những quy định chung” của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003.
- [10] Xem Điều 46, 47 BLTTHS 2003.
- [11] Xem Mục 8 Phần I Nghị quyết số 03/2004/HĐTP, ngày 2/10/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định trong Phần thứ nhất “Những quy định chung” của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003.
- [12] Xem khoản 3 Điều 168, điểm c khoản 1 Điều 179 BLTTHS 2003.
- [13] Xem điểm i khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2010/TTLT-VKSNDTC-BCA-TANDTC ngày 27/8/2010, hướng dẫn thi hành các quy định của BLTTHS về trả hồ sơ để điều tra bổ sung.
- [14] Xem điểm d khoản 1 Điều 33 Quy chế tạm thời về thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động xét xử các vụ án hình sự kèm theo Quyết định số 121/2004/QĐ - VKSNDTC ngày 16/9/2004.
- [15] Xem Điều 276 BLTTHS 2003.
- [16] Xem Điều 287 BLTTHS 2003.
- [17] Xem Điều 5, 20, 21, 22 Pháp lệnh Thẩm phán và Hội thẩm Tòa án nhân dân ngày 4/10/2002, Điều 30 Pháp lệnh về tổ chức điều tra hình sự ngày 20/8/2004, Điều 2, 18, 19, 20 Pháp lệnh Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân ngày 4/10/2002.
- [18] Xem Điều 7, Luật giám định tư pháp năm 2012.

Mechanism to Ensure the Impartiality of Those Who Undertake Legal Proceedings or Participate in Proceedings in The Current Criminal Procedure Code of Vietnam

Trần Thu Hạnh

VNU School of Law, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hanoi, Vietnam

Abstract: The article analyzes regulations of the Criminal procedure code of Vietnam about mechanisms to ensure the impartiality of those who undertake legal proceedings or participants in criminal proceedings. Accordingly, it makes clear the missions, principles and other provisions of the Criminal Procedure Code. All of them aim to judge the cases in an objective way.

Keywords: Impartiality; person who undertake legal proceedings; participant; witnesses; translator; Examiner; criminal procedure; deny; change.